TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **137**/2022/DS-PT
Ngày: 27-12-2022
V/v Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Ninh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Ông Phạm Tiến Hiệp

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bảo Yến – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Quang – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2022/TLPT ngày 02/11/2022 về việc "Tranh chấp chia tài sản chung là quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1952 *"vắng mặt"*

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

2. Bà **Hồ Thị Liên H**, sinh năm 1950 *"vắng mặt"*

Địa chỉ: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà H: Ông **Nguyễn Đức V**, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước *"có mặt"*

- *Bị đơn:*

1. Ông **Hoa Vận T**, sinh năm 1977 *"vắng mặt"*

2. Ông **Phùng Văn D**, sinh năm 1969 *"vắng mặt"*

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông D: Ông **Nguyễn Thế A**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Quốc lộ 14, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước *"có mặt"*.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Thị Liên H trình bày:

Vào năm 1992, bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Thị Liên H, ông Hoa Vận T và ông Phùng Văn D cùng khai phá được diện tích đất khoảng 1,8ha tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2004 thì ông D, ông T có vẽ sơ đồ tạm thời phân chia đất, cụ thể: Bà L, bà H mỗi người được chia khoảng 3.000m^2 còn ông T, ông D mỗi người được chia 5.000m^2, đến khi Nhà nước cho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì sẽ đo đạc và chia lại cho công bằng. Năm 2018, Nhà nước có chủ trương cho cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiến hành đo đạc cụ thể thì bà L và bà H đã yêu cầu ông T, ông D chia lại cho đều nhưng ông T, ông D không đồng ý, nên đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay nguyên đơn yêu cầu phân chia lại diện tích đất nêu trên làm 04 phần bằng nhau.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị: Trường hợp không chia đều được bằng hiện vật thì đề nghị buộc bên nhận phần đất nhiều hơn hoàn trả cho bên kia giá trị chênh lệch theo giá đã thỏa thuận trong biên bản thỏa thuận giá.

Bị đơn ông Hoa Vận T, ông Phùng Văn D trình bày:

Vào năm 1992, bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Thị Liên H, ông Hoa Vận T, ông Phùng Văn D cùng khai phá được diện tích đất khoảng 1,8ha tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Năm 2002 các bên có thỏa thuận dành 2.000m^2 để làm lối đi chung phần còn lại chia, cụ thể như sau: Bà L, bà H mỗi người được chia khoảng 3.000m^2 phía ngoài đường lớn còn ông T, ông D được chia diện tích khoảng 5.000m^2, diện tích lớn hơn là do lấy đất phía trong.

Đến năm 2018, Nhà nước có chủ trương cho người dân làm thủ tục kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà L, bà H yêu cầu ông T, ông D chia lại cho đều nhưng ông T, ông D không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, quyết định:

"Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Thị Liên H:

- Chia cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng: Phần đất có diện tích 2.960,5 m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất được xác định theo bản trích đo địa chính số 003 ngày 22/4/2022, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có tài sản gắn liền quyền sử dụng đất, gồm 125 cây cao su trồng năm 2002 và 01 căn nhà diện tích 15m^2.

- Chia cho bà Hồ Thị Liên H quản lý, sử dụng: Phần đất có diện tích 3.258,3m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất được xác định theo bản trích đo địa chính số 003 ngày 22/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có tài sản gắn liền quyền sử dụng đất, gồm 125 cây cao su trồng năm 2002 và 01 căn nhà diện tích 15m^2.

- Chia cho ông Hoa Vận T quản lý, sử dụng: Phần đất có diện tích 3.875,2m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất được xác định theo bản trích đo địa chính số 003 ngày 22/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có tài sản gắn liền quyền sử dụng đất, gồm 125 cây cao su trồng năm 2002 và 01 căn nhà diện tích 15m^2.

- Chia cho ông Phùng Văn D quản lý sử dụng: Phần đất có diện tích 4.197,3m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất được xác định theo bản trích đo địa chính số 003 ngày 22/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có tài sản gắn liền quyền sử dụng đất, gồm 150 cây cao su trồng năm 2002 và 01 căn nhà diện tích 15m^2.

Các ông bà Nguyễn Thị L, Hồ Thị Liên H, Hoa Vận T, Phùng Văn D có nghĩa vụ liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia nêu trên.

Ông Hoa Vận T, ông Phùng Văn D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Thị Liên H số tiền chênh lệch chia tài sản chung tổng cộng là 28.857.150đồng. Cụ thể ông Hoa Vận T phải hoàn trả là 9.355.500đồng ông Phùng Văn D phải hoàn trả là 19.501.650đồng; Bà Nguyễn Thị L được nhận số tiền 19.457.550đồng, bà Hồ Thị Liên H được nhận số tiền là 9.399.600đồng…".

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 04 tháng 10 năm 2022 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước có Quyết định kháng nghị số 03//QĐ-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước vẫn giữ nguyên Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm 31/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 308 của BLTTDS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng:

* Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và lời trình bày của bị đơn thể hiện: Nguyên đơn và bị đơn không tranh chấp về việc ai là người có quyền sử dụng diện tích đất đo đạc thực tế là 14.291,3m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, mà chỉ tranh chấp về việc chia tài sản thuộc sở hữu chung là quyền sử dụng đất không đồng đều nên nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia lại cho công bằng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp *"Yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất"* theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự là chưa phù hợp. Như vậy, đây là tranh chấp *"Yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất"* theo quy định tại Điều 219 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Do đây là tranh chấp "*Yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng đất"* không phải là tranh chấp quyền sử dụng đất nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định không phải qua thủ tục hòa giải tại cơ sở là phù hợp với quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 và hướng dẫn tại khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

* Về nội dung:

[3] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đều xác định diện tích đất đo đạc thực tế là 14.291,3m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước do bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Thị Liên H, ông Hoa Vận T và ông Phùng Văn D cùng khai phá vào năm 1992. Đến năm 2018, Nhà nước có chủ trương cho kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà

L, bà H yêu cầu ông T, ông D chia lại cho đều, nhưng ông Hoa Vận T, ông Phùng Văn D không đồng ý, nên hai bên xảy ra tranh chấp. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, được xác định là sự thật các đương sự không phải chứng minh.

[4] Căn cứ vào Bản trích đo địa chính số 003 ngày 22/4/2022, của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ thì diện tích đất nêu trên nằm trong tổng diện tích đất 490.202,6m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Ngày 01/8/2019 Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 1600/QĐ-UBND đã giao diện tích đất này cho Ủy ban nhân dân huyện Đ thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân theo quy định.

Ngày 29/6/2022, Tòa án nhân dân huyện Đ có Công văn số 35/2022/CV-TA hỏi Ủy ban nhân dân huyện Đ đối với diện tích đất đang tranh chấp có đủ điều kiện cấp giấy chứng chứng nhận quyền sử dụng đất không?

Tại Công văn số 1843/UBND-NC ngày 02/8/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ trả lời diện tích đất 14.291,3m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước các bên đang tranh chấp là đất chưa được cấp quyền sử dụng đất, nhưng thuộc trường hợp quy định tại điểm b tiểu mục 3.3 mục 3, phần I của Thông tư liên tịch số 01/2002/TTLT ngày 03/01/2002 của TANDTC - VKSNDTC – TCĐC (Không vi phạm quy hoạch và được xem xét để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai). Như vậy, diện tích đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng có đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[5] Tại Điều 5 Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, quy định điều kiện cụ thể được tách thửa đất nông nghiệp tại xã là 1.000m^2. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ kháng nghị viện dẫn khoản 2 Điều 6 của Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND để cho rằng đất không đủ điều kiện tách thửa, là không có căn cứ. Bởi lẽ: Tại khoản 3 Điều 5 của Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND chỉ quy định *"Đối với thửa đất nông nghiệp thuộc quy hoạch sử dụng đất ở, đất phi nông nghiệp không phải đất ở, việc tách thửa đất được thực hiện như sau: Phải đảm bảo diện tích tối thiểu quy định tại khoản 1 Điều này và kích thước tối thiểu chiều rộng, chiều sâu của thửa đất nông nghiệp phải bằng hoặc lớn hơn kích thước tối thiểu chiều rộng, chiều sâu của thửa đất ở được quy định tại khoản 2 Điều 6 Quy định này"*.

Như vậy, quy định này chỉ áp dụng đối với thửa đất nông nghiệp thuộc quy hoạch sử dụng đất ở, đất phi nông nghiệp không phải đất ở. Còn 04 thửa đất Tòa án cấp sơ thẩm phân chia cho các đương sự có diện tích đất trên 1.000m^2 thuộc xã của huyện Đ, do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên chưa xác định là loại đất nào. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cho các đương sự được

liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất được chia là phù hợp với quy định của pháp luật đất đai.

[6] Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia tài sản chung cho các đương sự là có căn cứ, phù hợp pháp luật và không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và không làm ảnh hưởng nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Do đó, Quyết định Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận Quyết định Kháng nghị phúc thẩm số 03/QĐ-VKS-DS ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 19 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng Điều 207; Điều 208; Điều 209; Điều 219; Điều 220 Bộ luật Dân sự 2015;

Áp dụng Điều Điều 100; Điều 202 của Luật đất đai năm 2013;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Áp dụng Quyết định số 27/2020/QĐ-UBND ngày 16/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước, quy định điều kiện cụ thể được tách thửa đất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Thị Liên H.

- Chia cho bà Nguyễn Thị L quản lý, sử dụng: Phần đất có diện tích 2.960,5m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất được xác định theo Bản trích đo địa chính số 003 ngày 22/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng

đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có tài sản gắn liền quyền sử dụng đất, gồm 125 cây cao su trồng năm 2002 và 01 căn nhà diện tích 15m^2.

- Chia cho bà Hồ Thị Liên H quản lý, sử dụng: Phần đất có diện tích 3.258,3m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất được xác định theo Bản trích đo địa chính số 003 ngày 22/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có tài sản gắn liền quyền sử dụng đất, gồm 125 cây cao su trồng năm 2002 và 01 căn nhà diện tích 15m^2.

- Chia cho ông Hoa Vận T quản lý, sử dụng: Phần đất có diện tích 3.875,2m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất được xác định theo Bản trích đo địa chính số 003 ngày 22/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có tài sản gắn liền quyền sử dụng đất gồm 125 cây cao su trồng năm 2002 và 01 căn nhà diện tích 15m^2.

- Chia cho ông Phùng Văn D quản lý, sử dụng: Phần đất có diện tích 4.197,3m^2 tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Vị trí đất được xác định theo Bản trích đo địa chính số 003 ngày 22/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Trên đất có tài sản gắn liền quyền sử dụng đất, gồm 150 cây cao su trồng năm 2002 và 01 căn nhà diện tích 15m^2.

2. Bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Thị Liên H, ông Hoa Vận T, ông Phùng Văn D có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia nêu trên.

3. Ông Hoa Vận T, ông Phùng Văn D có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Thị Liên H số tiền chênh lệch chia tài sản chung tổng cộng là 28.857.150đồng. Cụ thể: Ông Hoa Vận T phải hoàn trả số tiền 9.355.500 đồng, ông Phùng Văn D phải hoàn trả là 19.501.650 đồng. Trong số tiền này bà Nguyễn Thị L được nhận số tiền 19.457.550 đồng, bà Hồ Thị Liên H được nhận số tiền là 9.399.60 0 đồng

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị L, bà Hồ Thị Liên H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Ông Hoa Vận T, ông Phùng Văn D mỗi người phải nộp án phí là 7.489.699 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Phát hành kèm theo bản án này là bản sao y Bản trích đo địa chính số 003 ngày 22/4/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ).

5. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quang Ninh